

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ U
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 11/2020/HSST
Ngày 16-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- + Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiên Nga.
- + Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tập và bà Vũ Thị Xuyên
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy D, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Thi : Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 133/2019/HSST ngày 03-12-2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 147/QĐXX ngày 31-12-2019 đối với bị cáo:

Bùi Thị Th; Tên thường gọi V ; Sinh ngày 09/03/1983, tại huyện P, tỉnh H; Nơi ĐKNKTT: xóm 4, thôn N, xã N, huyện P , tỉnh H; Tạm trú : Tổ 23, khu 5, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Công T (đã chết) và bà Doãn Thị L; Họ tên chồng : Nguyễn Xuân T (đã chết); con: 05 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án: Ngày 13-3-2018, Tòa án thành phố U xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo (thử thách 12 tháng) về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: không;

Bị can đầu thú ngày 29-10-2019, đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; hiện tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1) Chị Vũ Thị T, sinh năm: 1975; địa chỉ: Tổ 27, khu 8, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xử vắng mặt).

2) Chị Phạm Thị L, sinh năm: 1984; địa chỉ: Tổ 18A, khu 6, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xử vắng mặt).

Những người làm chứng:

1) Anh Hoàng Ngọc D, sinh năm: 2002; địa chỉ: thôn 4, xã T, huyện K, tỉnh H. Vắng mặt tại phiên tòa

Người đại diện theo pháp luật: Anh Hoàng Ngọc S, sinh năm: 1991; địa chỉ: khu 1, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

2) Chị Đặng Thuý L; sinh năm: 1976; địa chỉ: Tổ 19, khu 6, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

3) Anh Trần Duy H; sinh năm: 1989; địa chỉ: Tổ 23, khu 5, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 11-4-2019 và 13-7-2019, Bùi Thị Th đã thực hiện 02 vụ án, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 11 giờ ngày 11-04-2019, Bùi Thị Th điều khiển xe mô tô đến cửa hàng của gia đình chị Phạm Thị L tại tổ 18A, khu 6, phường Q, thành phố U để mua giò. Đến nơi, Th thấy có 01 chiếc điện thoại Apple Iphone 6S, màu hồng của chị L để trên mặt bàn bán hàng, nên nảy sinh ý định trộm cắp. Th mua giò, trả tiền rồi đứng lại quán, giả vờ đếm tiền để chờ lúc chị L sơ hở trộm cắp tài sản. Một lúc sau, chị L đi vào phía trong nhà, Th dắt xe của mình lại gần chiếc điện thoại, thì có một người phụ nữ bê một tH đậu đến ngồi gần cửa hàng của chị L và mời Th mua đậu. Th hỏi mua đậu rồi trong lúc người phụ nữ này cúi xuống mở tH xộp, Th dùng tay trái lấy chiếc điện thoại trên bàn bỏ vào trong cốp xe mô tô và bỏ đi. Ngay sau khi Th đi khỏi cửa hàng, chị L đi ra phát hiện bị mất điện thoại. Ngày 08-11-2019, chị L đến cơ quan công an trình báo.

Vụ thứ 2: Khoảng 10 giờ ngày 13/7/2019, Th cùng bạn trai là anh Trần Duy H (trú tại khu 5, phường B, thành phố U) điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Viva, biển kiểm soát (BKS): 14F9 - 0486 đến chợ Trung tâm thuộc phường Q, thành phố U để mua đồ ăn. Đến nơi, anh H ở ngoài đợi, Th một mình đi vào chợ. Khoảng 11 giờ cùng ngày, khi đi qua kiot số 06 bán vải và quần áo của chị Vũ Thị T (trú tại khu 8, phường Q, thành phố U), Th quan sát thấy trên đồng vải của cửa hàng có 01 điện thoại di động Iphone 6, màu vàng, cùng với 120.000 đồng của chị Thuý, nên Th đã nảy sinh ý định trộm cắp. Th giả vờ vào xem hàng, lợi dụng lúc chị T cúi xuống nhặt rau, Th lấy chiếc điện thoại và số tiền trên rồi bỏ đi về phía cổng phụ số 06 của chợ. Khi Th đi được khoảng 10 mét thì chị T phát hiện bị mất tài sản. Chị T truy hô và cùng mọi người đuổi theo Th oan. Thấy vậy, Th ném chiếc điện thoại cùng số tiền vừa trộm cắp được xuống nền chợ và bỏ chạy. Chị T cùng người dân đã giữ Th lại, báo Công an phường Q đến giải quyết và giao nộp toàn bộ vật chứng.

Quá trình điều tra xác định Bùi Thị Th đang mang thai, nên cơ quan điều tra cho tại ngoại, nhưng sau đó Th bỏ đi khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã.

Ngày 29/10/2019, Th đến Công an phường B, thành phố U đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Đối với chiếc điện thoại trộm cắp của chị L, Th đã bán cho 01 người phụ nữ không quen biết được 300.000 đồng, số tiền này Th đã ăn tiêu hết.

Tại các bản kết luận định giá tài sản số 36 ngày 21/7/2019 và số 57 ngày 11-11-2019, của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố U, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6, màu sơn vàng, cũ đã qua sử dụng, có giá là 2.400.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6S, màu sơn hồng, dung lượng 16G, máy cũ đã qua sử dụng, có giá là 2.450.000 đồng.

- Đối với chiếc điện thoại Apple Iphone 6 và số tiền 120.000 đồng Th trộm cắp của chị T, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Vũ Thị T. Chị T không có yêu cầu gì khác.

- Đối với chiếc điện thoại Iphone 6S, màu sơn hồng, Thtrộm cắp của chị L. Thđã bán cho một người phụ nữ không quen biết. Hiện chưa truy thu được.

Quá trình điều tra Bùi Thị Th khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bị hại là chị Vũ Thị T, chị Phạm thị L và **những người làm chứng** vắng mặt **tại phiên tòa** xong có lời khai tại cơ quan điều tra xác nhận sự việc như lời khai nhận tội của bị cáo.

Bản Cáo trạng số 144/CT-VKSUB ngày 30-11-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Bùi Thị Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; **các** điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thị Th từ 09 (chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” , **thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.**

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị L chiếc điện thoại Iphone 6S, màu sơn hồng trị giá 2.450.000đ (**Hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng**).

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thừa nhận: Việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là đúng người đúng tội, không oan, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định, tài liệu, chứng cứ, của Cơ quan điều tra Công an thành phố U, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố U, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tài liệu chứng cứ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng và các tài liệu, chứng cứ được thu thập sử dụng tại phiên tòa của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với bị cáo Bùi Thị Th:

Lời khai của bị cáo Bùi Thị Th tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ của bị cáo, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận:

Vào các ngày 11-4-2019 và ngày 13-7-2019, tại tổ 18A, khu 6, phường Q và chợ Trung tâm U thuộc phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Bùi Thị Th có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại Apple Iphone 6S có giá trị là 2.450.000 đồng của chị Phạm Thị L, trộm cắp 01 điện thoại Apple Iphone 6 có giá trị 2.400.000 đồng cùng số tiền 120.000 đồng của chị Vũ Thị T; Tổng giá trị tài sản Thtrộm cắp là **4.970.000** đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo Bùi Thị Th đủ yếu tố cấu thành tội “**Trộm cắp tài sản**” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo và lời luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị Th

[3.1] Về hình phạt chính:

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

Tình tiết tăng nặng: Trong 2 ngày, ngày 11-4-2019 và ngày **13-7-2019** bị cáo Thđã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng. Vì vậy bị cáo phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngày 13/3/2018, Tòa án thành phố U xử phạt bị cáo 06 tháng tù, cho hưởng án treo (thử thách 12 tháng) về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội khi đang mang thai, sau khi phạm tội ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình **sự**.

Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo cần có một hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

[3.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội “**Trộm cắp tài sản**” còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000^d (Năm triệu đồng) đến 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Bùi Thị Th là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với chiếc điện thoại Apple Iphone 6 và số tiền 120.000 đồng Th trộm cắp của chị T, chị T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác, nên không đề cập giải quyết.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 6S, màu sơn hồng, bị cáo Th trộm cắp của chị L đã bán cho một người phụ nữ không quen biết. Hiện không thu hồi được nên bị cáo phải bồi thường cho chị L chiếc điện thoại trên trị giá 2.450.000đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Số tiền 300.000đ (**Ba trăm ngàn đồng**) là tiền do bị cáo bán điện thoại của chị L đã tiêu sài cá nhân hết nên truy thu **nộp** ngân sách nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên :

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; **các** điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 **Điều 52** của Bộ luật hình sự .

Tuyên bố bị cáo: Bùi Thị Th đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: **Bùi Thị Th 12 (Mười hai)** tháng tù **thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.**

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 357, 468, **584, 585, 586** của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Bùi Thị Th phải bồi thường cho bị hại là chị Phạm Thị L số tiền 2.450.000đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Bùi Thị Th phải nộp vào ngân sách nhà nước 200.000đ (Hai trăm **ngàn** đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và **300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)** tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Áp dụng: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày **tuyên án**. Bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND TP.Ưông Bí;
- Công an TP.Ưông Bí;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP.Ưông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; Lưu TA

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thiên Nga